

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Yên Khánh
Tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/ 2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/04/ 2019.

Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai.
2. Bà Hoàng Thị Kim Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Trong ngày 26 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc: Ly hôn theo quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐHPT - HNGĐ ngày 9 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị L; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 9, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 9, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Vũ Thị L trình bày: Bà và ông Phạm Văn T sau khoảng ba tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp và không có con. Bà và ông T đã sống ly thân 6 năm nay và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà và ông T mỗi người có cuộc

sống riêng và không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung (riêng): Bà và ông Phạm Văn T không có con chung (riêng) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Bà và ông Phạm Văn T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng khác cho ông Phạm Văn T theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn T là hợp pháp. Căn cứ vào lời khai, đơn đề nghị của bà L có xác nhận của xóm trưởng xóm 9, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình thì quá trình chung sống bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông bà không hợp nhau về tính cách và không có con; bà L và ông T đã sống ly thân 6 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án làm tự khai; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện việc ông T không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Xét mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung (riêng), tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Bà Vũ Thị L xác định bà và ông Phạm Văn T không có con chung (riêng); ông bà

không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn T được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0001981 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Phương

